CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH
Hướng dẫn thi hành các quy định của Luật luật sư về tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư

Nghị định số 131/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ hướng dẫn thi hành các quy định của Luật luật sư về tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2009, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 05/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về đăng ký giao dịch bảo đảm, trợ giúp pháp lý, luật sư, tư vấn pháp luật, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2012.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Luật sư ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp[1]*,*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định về nguyên tắc tổ chức, hoạt động, việc thành lập, giải thể, quản lý nhà nước đối với tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư.

2. Nghị định này áp dụng đối với Đoàn luật sư tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Liên đoàn luật sư Việt Nam và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Điều 2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư

1. Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư được thành lập ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và trong phạm vi toàn quốc để đại diện, bảo vệ quyền, lợi

---

[1] Nghị định số 05/2012/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về đăng ký giao dịch bảo đảm, trợ giúp pháp lý, luật sư, tư vấn pháp luật có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,"

ích hợp pháp của các luật sư; thực hiện chức năng tự quản của luật sư nhằm xây dựng, phát triển đội ngũ luật sư có phẩm chất chính trị, đạo đức, có trình độ chuyên môn cao, góp phần bảo vệ công lý, phát triển kinh tế, xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

2. Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Luật sư và Điều lệ của tổ chức mình.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư

1. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật.

2. Tuân theo Điều lệ được phê duyệt theo quy định của pháp luật.

3. Kết hợp chức năng tự quản với quản lý nhà nước.

4. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.

5. Tự chủ về tài chính.

Điều 4. Trách nhiệm của Nhà nước

1. Cơ quan nhà nước trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư hoạt động theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ.

2. Nhà nước có chính sách hỗ trợ về cơ sở vật chất ban đầu cho tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư; thực hiện các biện pháp hỗ trợ phát triển đội ngũ luật sư, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư.

Điều 5. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Cản trở, can thiệp trái pháp luật vào tổ chức, hoạt động của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư.

2. Lợi dụng danh nghĩa của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư để gây ảnh hưởng xấu đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Chương II
ĐOÀN LUẬT SƯ

Điều 6. Địa vị pháp lý của Đoàn luật sư

1. Đoàn luật sư là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư được thành lập tại mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản, hoạt động theo nguyên tắc tự trang trải bằng nguồn thu từ phí thành viên, các khoản đóng góp của thành viên và nguồn thu hợp pháp khác.

2. Đoàn luật sư là thành viên của Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

3. Đoàn luật sư có Điều lệ để điều chỉnh các quan hệ nội bộ của Đoàn. Điều lệ Đoàn luật sư không được trái với Điều lệ của Liên đoàn luật sư Việt Nam.

Điều 7. Điều kiện thành lập Đoàn luật sư

1. Tôn chỉ, mục đích hoạt động không trái Hiến pháp, pháp luật.

2. Có từ ba người sáng lập có Chứng chỉ hành nghề luật sư trở lên tại mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Có phương án về cơ cấu tổ chức, Điều lệ.

Điều 8. Thủ tục cho phép thành lập Đoàn luật sư

1. Hồ sơ thành lập Đoàn luật sư bao gồm:

a) Giấy đề nghị thành lập Đoàn luật sư;

b) Dự thảo Điều lệ Đoàn luật sư;

c) Dự thảo Báo cáo về phương hướng hoạt động của Đoàn luật sư;

d) Đề án tổ chức Đại hội thành lập Đoàn luật sư;

đ) Danh sách thành viên Đoàn luật sư kèm theo bản sao Chứng chỉ hành nghề luật sư.

2.[2] Hồ sơ thành lập Đoàn luật sư do những người sáng lập Đoàn luật sư lập và gửi 01 bộ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) về việc cho phép thành lập Đoàn luật sư.

Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định của Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản gửi Bộ Tư pháp về việc thành lập Đoàn luật sư tại địa phương. Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tư pháp có văn bản về việc thành lập Đoàn luật sư.

Sau khi có ý kiến nhất trí bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, trong thời hạn bảy ngày làm việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phép thành lập Đoàn luật sư; trong trường hợp từ chối thì phải thông báo lý do bằng văn bản. Người bị từ chối có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật.

---

[2] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Nghị định số 05/2012/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về đăng ký giao dịch bảo đảm, trợ giúp pháp lý, luật sư, tư vấn pháp luật, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2012.

Điều 9. Đại hội thành lập Đoàn luật sư

1. Trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày quyết định cho phép thành lập Đoàn luật sư có hiệu lực, những người sáng lập Đoàn luật sư phải tổ chức Đại hội thành lập Đoàn luật sư; nếu quá thời hạn này mà không tổ chức Đại hội thì quyết định cho phép thành lập Đoàn luật sư không còn hiệu lực.

2. Nội dung chủ yếu của Đại hội thành lập Đoàn luật sư bao gồm:

a) Công bố quyết định cho phép thành lập Đoàn luật sư;

b) Thảo luận và biểu quyết thông qua Điều lệ Đoàn luật sư;

c) Bầu Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật;

d) Thông qua Báo cáo về phương hướng hoạt động của Đoàn luật sư;

đ) Thông qua Nghị quyết Đại hội.

3. Kết quả Đại hội thành lập Đoàn luật sư phải được phê chuẩn theo quy định tại Điều 12 của Nghị định này.

Điều 10. Phê duyệt Điều lệ Đoàn luật sư

1.[3] Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày Điều lệ Đoàn luật sư được thông qua, Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Điều lệ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Sở Tư pháp. Hồ sơ gồm có:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt Điều lệ;

b) Điều lệ và biên bản thông qua Điều lệ;

c) Nghị quyết Đại hội;

d) Văn bản nhất trí của Liên đoàn Luật sư Việt Nam về nội dung Điều lệ.

2.[4] Trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc phê duyệt Điều lệ Đoàn luật sư.

Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định của Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt hoặc từ chối phê duyệt Điều lệ Đoàn luật sư; trong trường hợp từ chối thì phải thông báo lý do bằng văn bản.

---

[3] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Nghị định số 05/2012/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về đăng ký giao dịch bảo đảm, trợ giúp pháp lý, luật sư, tư vấn pháp luật, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2012.

[4] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Nghị định số 05/2012/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về đăng ký giao dịch bảo đảm, trợ giúp pháp lý, luật sư, tư vấn pháp luật, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2012.

3. Điều lệ Đoàn luật sư bị từ chối phê duyệt trong các trường hợp sau đây:

a) Có nội dung trái với quy định của Hiến pháp và pháp luật;

b) Có nội dung không phù hợp với quy định của Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam;

c) Quy trình, thủ tục thông qua Điều lệ không bảo đảm tính hợp lệ, dân chủ, công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật, Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam.

4. Trong trường hợp Điều lệ Đoàn luật sư bị từ chối phê duyệt thì Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư phải tổ chức thực hiện việc sửa đổi nội dung Điều lệ hoặc tổ chức lại Đại hội để thông qua Điều lệ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam.

5. Khi có sự sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Đoàn luật sư thì trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày Điều lệ sửa đổi, bổ sung được thông qua, Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư gửi Sở Tư pháp văn bản đề nghị kèm theo Điều lệ sửa đổi, bổ sung, biên bản thông qua Điều lệ sửa đổi, bổ sung, Nghị quyết Đại hội.

Việc phê duyệt Điều lệ sửa đổi, bổ sung được thực hiện theo quy định của Điều này.

6. Điều lệ Đoàn luật sư có hiệu lực kể từ ngày được phê duyệt.

Điều 11. Đại hội nhiệm kỳ của Đoàn luật sư

1. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu luật sư của Đoàn luật sư (sau đây gọi chung là Đại hội luật sư) là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đoàn luật sư. Nhiệm kỳ Đại hội luật sư do Điều lệ Đoàn luật sư quy định nhưng không quá 5 năm, kể từ ngày kết thúc Đại hội nhiệm kỳ trước.

2. Đại hội luật sư được coi là hợp lệ nếu có ít nhất hai phần ba số thành viên của Đoàn luật sư hoặc hai phần ba số đại biểu được triệu tập tham gia.

Việc biểu quyết thông qua các quyết định, nghị quyết của Đại hội luật sư phải được quá một phần hai số đại biểu chính thức có mặt tán thành.

3.[5] Chậm nhất ba mươi ngày trước ngày dự kiến tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo về Đề án tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, phương án xây dựng Ban Chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật nhiệm kỳ mới. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo của Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cho Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ thẩm

[5] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Nghị định số 05/2012/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về đăng ký giao dịch bảo đảm, trợ giúp pháp lý, luật sư, tư vấn pháp luật, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2012.

định và xem xét, cho ý kiến về Đề án tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, phương án xây dựng Ban Chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật nhiệm kỳ mới.

Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, cho ý kiến về Đề án tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, phương án xây dựng Ban Chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật nhiệm kỳ mới.

4. Đại hội nhiệm kỳ của Đoàn luật sư có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tổng kết, đánh giá về tổ chức, hoạt động của Đoàn luật sư nhiệm kỳ qua;

b) Thông qua phương hướng, nhiệm vụ, tổ chức, hoạt động của Đoàn luật sư trong nhiệm kỳ mới;

c) Bầu Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Đoàn luật sư;

d) Xem xét việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ (nếu có);

đ) Các nội dung khác theo quy định của Điều lệ Đoàn luật sư.

Điều 12. Phê chuẩn kết quả Đại hội luật sư

1. Nội dung phê chuẩn kết quả Đại hội luật sư bao gồm:

a) Kết quả bầu Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Đoàn luật sư;

b) Nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội để bãi nhiệm và bầu mới hoặc bầu thay thế Chủ nhiệm, bầu bổ sung ủy viên Ban Chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật Đoàn luật sư.

2.[6] Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc Đại hội, Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư phải gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Sở Tư pháp báo cáo kết quả Đại hội, kèm theo biên bản bầu cử, danh sách trích ngang của Chủ nhiệm, các ủy viên Ban Chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Đoàn luật sư; Nghị quyết Đại hội.

Trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả Đại hội, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ xem xét và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc phê chuẩn kết quả Đại hội của Đoàn luật sư.

Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trình của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê chuẩn hoặc từ chối phê chuẩn kết quả Đại hội; trong trường hợp từ chối thì phải thông báo lý do bằng văn bản.

---

[6] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 05/2012/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về đăng ký giao dịch bảo đảm, trợ giúp pháp lý, luật sư, tư vấn pháp luật, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2012.

3. Kết quả bầu cử bị từ chối phê chuẩn trong các trường hợp sau đây:

a) Quy trình, thủ tục bầu cử không bảo đảm tính hợp lệ, dân chủ, công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật, Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam, Điều lệ Đoàn luật sư;

b) Chức danh lãnh đạo được bầu không đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam, Điều lệ Đoàn luật sư.

4. Nghị quyết Đại hội bị từ chối phê chuẩn trong các trường hợp sau đây:

a) Có nội dung trái với quy định của Hiến pháp, pháp luật, Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam, Điều lệ Đoàn luật sư;

b) Quy trình, thủ tục thông qua Nghị quyết không bảo đảm tính hợp lệ, dân chủ, công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật, Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam, Điều lệ Đoàn luật sư.

5. Trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo về việc từ chối phê chuẩn Đại hội, Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư phải tổ chức lại Đại hội để thực hiện việc bầu cử, việc thông qua, sửa đổi Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam, Điều lệ Đoàn luật sư; quá thời hạn này mà không tổ chức lại Đại hội thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, quyết định việc giải thể Đoàn luật sư.

6. Trong trường hợp tổ chức Đại hội để bãi nhiệm và bầu mới hoặc bầu thay thế Chủ nhiệm, bầu bổ sung ủy viên Ban Chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Đoàn luật sư thì trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc Đại hội, Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư gửi Sở Tư pháp báo cáo kết quả Đại hội. Việc phê duyệt kết quả Đại hội được thực hiện theo quy định của Điều này.

Điều 13. Chế độ báo cáo, gửi các quy định, quyết định, nghị quyết của Đoàn luật sư

1. Hàng năm Đoàn luật sư có trách nhiệm gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tư pháp, Liên đoàn luật sư Việt Nam báo cáo về tình hình tổ chức, hoạt động của Đoàn luật sư. Báo cáo được tính từ ngày 01 tháng 10 của năm trước đến ngày 30 tháng 9 của năm sau và gửi trước ngày 10 tháng 11 hàng năm.

Ngoài việc báo cáo theo định kỳ hàng năm, Đoàn luật sư báo cáo theo yêu cầu của Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tư pháp hoặc Liên đoàn luật sư Việt Nam.

2. Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quy định, quyết định, thông qua nghị quyết của Đoàn luật sư, Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư có trách nhiệm gửi Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Liên đoàn luật sư Việt Nam quy định, quyết định, nghị quyết đó.

Điều 14. Yêu cầu sửa đổi hoặc hủy bỏ các quy định, quyết định, nghị quyết của Đoàn luật sư

1. Trong trường hợp phát hiện hoặc khi có căn cứ cho rằng quy định, quyết định, nghị quyết của Đoàn luật sư trái với quy định của pháp luật về luật sư thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền đình chỉ thi hành và yêu cầu sửa đổi một phần hoặc hủy bỏ toàn bộ quy định, quyết định, nghị quyết của Đoàn luật sư.

2. Trong trường hợp phát hiện hoặc khi có căn cứ cho rằng quy định, quyết định, nghị quyết của Đoàn luật sư trái với quy định của Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam thì Ban Thường vụ Liên đoàn luật sư Việt Nam có quyền đình chỉ thi hành và yêu cầu sửa đổi một phần hoặc hủy bỏ toàn bộ quy định, quyết định, nghị quyết của Đoàn luật sư.

Điều 15. Bãi nhiệm Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm Đoàn luật sư

1. Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm Đoàn luật sư bị bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm đặc biệt nghiêm trọng các quy định của Điều lệ Đoàn luật sư, Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của mình; xâm hại lợi ích của Đoàn luật sư;

b) Thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 5 của Nghị định này hoặc vi phạm nghiêm trọng các quy định khác của pháp luật;

c) Không còn sự tín nhiệm của ít nhất một phần hai số thành viên Đoàn luật sư;

d) Bị xử lý kỷ luật bằng hình thức tạm đình chỉ tư cách thành viên hoặc xóa tên khỏi danh sách luật sư của Đoàn luật sư;

đ) Bị tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề luật sư;

e) Bị kết án và bản án đã có hiệu lực pháp luật.

2.[7] Trong trường hợp Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a, b và c khoản 1 của Điều này thì Ban Thường vụ Liên đoàn Luật sư Việt Nam gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc ra quyết định đình chỉ hoạt động của Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư và yêu cầu Đoàn luật sư tổ chức Đại hội bất thường để bầu Ban Chủ nhiệm và Chủ nhiệm mới của Đoàn luật sư.

Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Thường vụ Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định

[7] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 5 của Nghị định số 05/2012/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về đăng ký giao dịch bảo đảm, trợ giúp pháp lý, luật sư, tư vấn pháp luật, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2012.

đình chỉ hoạt động của Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư và yêu cầu Đoàn luật sư tổ chức Đại hội bất thường để bầu Ban Chủ nhiệm và Chủ nhiệm mới của Đoàn luật sư. Trong trường hợp từ chối phải thông báo lý do bằng văn bản.

Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Đoàn luật sư tạm thời thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chủ nhiệm; Chủ tịch Hội đồng khen thưởng, kỷ luật tạm thời thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ nhiệm Đoàn luật sư cho đến khi bầu Ban Chủ nhiệm và Chủ nhiệm mới của Đoàn luật sư.

Trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày có quyết định đình chỉ Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư, Chủ tịch Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Đoàn luật sư phải triệu tập Đại hội luật sư bất thường.

3.[8] Trong trường hợp Chủ nhiệm Đoàn luật sư thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 của Điều này thì Ban Thường vụ Liên đoàn Luật sư Việt Nam gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định đình chỉ chức vụ Chủ nhiệm và yêu cầu Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư cử một Phó Chủ nhiệm Đoàn luật sư giữ chức vụ Quyền Chủ nhiệm Đoàn luật sư cho đến khi bầu Chủ nhiệm mới của Đoàn luật sư.

Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Thường vụ Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định đình chỉ chức vụ Chủ nhiệm và yêu cầu Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư cử một Phó Chủ nhiệm Đoàn luật sư giữ chức vụ Quyền chủ nhiệm Đoàn luật sư cho đến khi bầu Chủ nhiệm mới của Đoàn luật sư. Trong trường hợp từ chối phải thông báo lý do bằng văn bản.

Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày được cử, Quyền Chủ nhiệm Đoàn luật sư phải triệu tập Đại hội bất thường để bầu Chủ nhiệm mới của Đoàn luật sư.

4. Người bị bãi nhiệm có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện ra Tòa hành chính theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo của Đoàn luật sư

1. Các chức danh lãnh đạo của Đoàn luật sư được miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

b) Xin rút khỏi chức danh lãnh đạo;

c) Vì lý do sức khỏe hoặc lý do khác mà không thể thực hiện được nhiệm vụ.

---

[8] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 5 của Nghị định số 05/2012/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về đăng ký giao dịch bảo đảm, trợ giúp pháp lý, luật sư, tư vấn pháp luật, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2012.

2. Việc miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo của Đoàn luật sư được thực hiện theo quy định của Điều lệ.

Điều 17. Giải thể Đoàn luật sư

1. Đoàn luật sư bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ ba luật sư thành viên của Đoàn luật sư;

b) Quá thời hạn sáu tháng kể từ ngày hết nhiệm kỳ mà không tổ chức Đại hội;

c) Không tổ chức lại Đại hội theo quy định tại khoản 5 Điều 12 của Nghị định này;

d) Hoạt động của Đoàn luật sư vi phạm nghiêm trọng pháp luật, Điều lệ Đoàn luật sư, Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Trong trường hợp Đoàn luật sư bị giải thể theo quy định tại khoản 1 của Điều này thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định giải thể Đoàn luật sư sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Việc thành lập lại Đoàn luật sư được thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 của Nghị định này.

Chương III
LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM

Điều 18. Địa vị pháp lý của Liên đoàn luật sư Việt Nam

1. Liên đoàn luật sư Việt Nam là tổ chức xã hội - nghề nghiệp thống nhất toàn quốc của các Đoàn luật sư và luật sư, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản, hoạt động theo nguyên tắc tự trang trải bằng nguồn thu từ phí thành viên, các khoản đóng góp của thành viên và nguồn thu hợp pháp khác.

2. Liên đoàn luật sư Việt Nam là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

3. Liên đoàn luật sư Việt Nam có Điều lệ để điều chỉnh thống nhất về tổ chức, hoạt động của Liên đoàn luật sư Việt Nam, của Đoàn luật sư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; quyền, nghĩa vụ của các thành viên Liên đoàn; quan hệ của Liên đoàn với các thành viên của mình, với các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Điều 19. Thành lập Liên đoàn luật sư Việt Nam

1. Liên đoàn luật sư Việt Nam do Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc lần thứ nhất thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Nội dung chủ yếu của Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc lần thứ nhất bao gồm:

a) Công bố quyết định thành lập Liên đoàn luật sư Việt Nam;

b) Thảo luận và biểu quyết thông qua Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam;

c) Bầu Hội đồng luật sư toàn quốc;

d) Thông qua Báo cáo về phương hướng hoạt động của Liên đoàn luật sư Việt Nam;

đ) Thông qua Nghị quyết Đại hội.

3. Kết quả Đại hội thành lập Liên đoàn luật sư Việt Nam phải được phê chuẩn theo quy định tại Điều 22 của Nghị định này.

Điều 20. Phê duyệt Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam

1.[9] Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam được thông qua, Hội đồng luật sư toàn quốc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Bộ Tư pháp 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Điều lệ.

Hồ sơ gồm có:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt Điều lệ;

b) Điều lệ và biên bản thông qua Điều lệ;

c) Nghị quyết Đại hội.

2. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị phê duyệt Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định phê duyệt hoặc từ chối phê duyệt Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Nội vụ; trong trường hợp từ chối phải thông báo lý do bằng văn bản.

3. Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam bị từ chối phê duyệt trong các trường hợp sau đây:

a) Có nội dung trái với quy định của Hiến pháp và pháp luật;

b) Quy trình, thủ tục thông qua Điều lệ không bảo đảm tính hợp lệ, dân chủ, công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam bị từ chối phê duyệt thì Hội đồng luật sư toàn quốc phải tổ chức thực hiện việc sửa đổi nội dung Điều lệ hoặc tổ chức lại Đại hội để thông qua Điều lệ theo đúng quy định của pháp luật.

5. Khi có sự sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam thì trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày Điều lệ sửa đổi, bổ sung được thông qua, Hội đồng luật sư toàn quốc gửi Bộ Tư pháp văn bản đề nghị kèm theo Điều lệ sửa đổi, bổ sung; biên bản thông qua Điều lệ sửa đổi, bổ sung, Nghị quyết Đại hội.

---

[9] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 5 của Nghị định số 05/2012/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về đăng ký giao dịch bảo đảm, trợ giúp pháp lý, luật sư, tư vấn pháp luật, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2012.

Việc phê duyệt Điều lệ sửa đổi, bổ sung được thực hiện theo quy định của Điều này.

6. Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam có hiệu lực kể từ ngày được phê duyệt.

Điều 21. Đại hội nhiệm kỳ của Liên đoàn luật sư Việt Nam

1. Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Liên đoàn luật sư Việt Nam. Nhiệm kỳ Đại hội của Liên đoàn luật sư Việt Nam do Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam quy định nhưng không quá 5 năm, kể từ ngày kết thúc Đại hội nhiệm kỳ trước.

2. Đại hội của Liên đoàn luật sư Việt Nam, được coi là hợp lệ nếu có ít nhất hai phần ba số đại biểu được triệu tập tham gia.

Việc biểu quyết thông qua các quyết định, nghị quyết Đại hội của Liên đoàn luật sư Việt Nam phải được quá một phần hai số đại biểu chính thức có mặt tán thành.

3.[10] Chậm nhất sáu mươi ngày trước ngày dự kiến tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, Ban Thường vụ Liên đoàn Luật sư Việt Nam gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Bộ Tư pháp báo cáo về Đề án tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, phương án xây dựng các chức danh lãnh đạo của Liên đoàn Luật sư Việt Nam nhiệm kỳ mới. Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ xem xét, cho ý kiến về Đề án tổ chức Đại hội.

4. Đại hội nhiệm kỳ của Liên đoàn luật sư Việt Nam có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tổng kết, đánh giá về tổ chức, hoạt động của Liên đoàn nhiệm kỳ qua;

b) Thông qua phương hướng, nhiệm vụ, tổ chức, hoạt động của Liên đoàn trong nhiệm kỳ mới;

c) Bầu các chức danh lãnh đạo của Liên đoàn nhiệm kỳ mới;

d) Xem xét việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ (nếu có);

đ) Các nội dung khác theo quy định của Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam.

Điều 22. Phê chuẩn kết quả Đại hội của Liên đoàn luật sư Việt Nam

1. Nội dung phê chuẩn kết quả Đại hội của Liên đoàn luật sư Việt Nam bao gồm:

a) Kết quả bầu các chức danh lãnh đạo của Liên đoàn luật sư Việt Nam;

b) Nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội để bãi miễn và bầu mới hoặc bầu thay thế, bầu bổ sung các chức danh lãnh đạo của Liên đoàn luật sư Việt Nam.

---

[10] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 5 của Nghị định số 05/2012/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về đăng ký giao dịch bảo đảm, trợ giúp pháp lý, luật sư, tư vấn pháp luật, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2012.

2.[11] Trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc Đại hội, Ban Thường vụ Liên đoàn Luật sư Việt Nam phải gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Bộ Tư pháp báo cáo kết quả Đại hội, kèm theo biên bản bầu cử, danh sách trích ngang của các chức danh lãnh đạo của Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Nghị quyết Đại hội.

Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả Đại hội, Bộ Tư pháp xem xét, phê chuẩn hoặc từ chối phê chuẩn kết quả bầu cử, Nghị quyết Đại hội của Liên đoàn Luật sư Việt Nam sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ.

3. Kết quả bầu cử bị từ chối phê chuẩn trong các trường hợp sau đây:

a) Quy trình, thủ tục bầu cử không bảo đảm tính hợp lệ, dân chủ, công khai, minh bạch theo quy định pháp luật, Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam;

b) Chức danh lãnh đạo được bầu không có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam.

4. Nghị quyết Đại hội bị từ chối phê chuẩn trong các trường hợp sau đây:

a) Có nội dung trái với quy định của Hiến pháp, pháp luật, Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam;

b) Quy trình, thủ tục thông qua Nghị quyết không bảo đảm tính hợp lệ, dân chủ, công khai, minh bạch theo quy định pháp luật, Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam.

5. Trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo về việc từ chối phê chuẩn kết quả bầu cử, Nghị quyết Đại hội, Hội đồng luật sư toàn quốc phải tổ chức lại Đại hội để thực hiện việc bầu cử, việc thông qua, sửa đổi Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam. Trong trường hợp quá thời hạn quy định tại khoản này mà Hội đồng luật sư toàn quốc không tổ chức lại Đại hội thì Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc giải thể Liên đoàn luật sư Việt Nam.

6. Trong trường hợp tổ chức Đại hội để bãi miễn và bầu mới hoặc bầu thay thế, bầu bổ sung các chức danh lãnh đạo của Liên đoàn luật sư Việt Nam thì trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc Đại hội, Ban Thường vụ Liên đoàn luật sư Việt Nam gửi Bộ Tư pháp báo cáo kết quả Đại hội. Việc phê chuẩn kết quả Đại hội được thực hiện theo quy định của Điều này.

Điều 23. Chế độ báo cáo, gửi các quy định, quyết định, nghị quyết của Liên đoàn luật sư Việt Nam

---

[11] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 8 Điều 5 của Nghị định số 05/2012/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về đăng ký giao dịch bảo đảm, trợ giúp pháp lý, luật sư, tư vấn pháp luật, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2012.

1. Hàng năm Liên đoàn luật sư Việt Nam có trách nhiệm gửi Bộ Tư pháp báo cáo về tình hình tổ chức, hoạt động của luật sư, Đoàn luật sư trong phạm vi toàn quốc và Liên đoàn luật sư Việt Nam. Báo cáo được tính từ ngày 01 tháng 10 của năm trước đến ngày 30 tháng 9 của năm sau và gửi trước ngày 15 tháng 11 hàng năm.

Ngoài việc báo cáo theo định kỳ hàng năm, Liên đoàn luật sư Việt Nam báo cáo theo yêu cầu của Bộ Tư pháp.

2. Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quy định, quyết định, thông qua nghị quyết của Liên đoàn luật sư Việt Nam, Ban Thường vụ Liên đoàn có trách nhiệm gửi Bộ Tư pháp quy định, quyết định, nghị quyết đó.

Điều 24. Yêu cầu sửa đổi hoặc hủy bỏ các quy định, quyết định, nghị quyết của Liên đoàn luật sư Việt Nam

Trong trường hợp phát hiện hoặc khi có căn cứ cho rằng quy định, quyết định, nghị quyết của Liên đoàn luật sư Việt Nam trái với quy định của pháp luật về luật sư thì Bộ Tư pháp có quyền đình chỉ thi hành và yêu cầu sửa đổi một phần hoặc hủy bỏ toàn bộ quy định, quyết định, nghị quyết của Liên đoàn luật sư Việt Nam.

Điều 25. Bãi nhiệm Hội đồng luật sư toàn quốc, Chủ tịch Liên đoàn luật sư Việt Nam

1. Hội đồng luật sư toàn quốc, Chủ tịch Liên đoàn luật sư Việt Nam bị bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm đặc biệt nghiêm trọng các quy định của Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của mình; xâm hại lợi ích của Liên đoàn luật sư Việt Nam;

b) Thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 5 của Nghị định này hoặc vi phạm nghiêm trọng các quy định khác của pháp luật;

c) Không còn sự tín nhiệm của ít nhất một phần hai các Đoàn luật sư;

d) Bị xử lý kỷ luật bằng hình thức tạm đình chỉ tư cách thành viên hoặc xóa tên khỏi danh sách luật sư của Đoàn luật sư;

đ) Bị tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề luật sư;

e) Bị kết án và bản án đã có hiệu lực pháp luật.

2.[12] Trong trường hợp Hội đồng luật sư toàn quốc thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a, b và c khoản 1 của Điều này hoặc Chủ tịch Liên đoàn

[12] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 9 Điều 5 của Nghị định số 05/2012/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về đăng ký giao dịch bảo đảm, trợ giúp pháp lý, luật sư, tư vấn pháp luật, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2012.

Luật sư Việt Nam thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 của Điều này thì Bộ trưởng Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Nội vụ đề nghị Thủ tướng Chính phủ ra quyết định đình chỉ hoạt động của Hội đồng luật sư toàn quốc hoặc đình chỉ chức vụ Chủ tịch Liên đoàn Luật sư Việt Nam và yêu cầu Liên đoàn Luật sư Việt Nam tổ chức Đại hội bất thường để bầu mới các chức danh lãnh đạo của Liên đoàn.

Trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Thủ tướng Chính phủ ra quyết định về việc đình chỉ hoạt động của Hội đồng luật sư toàn quốc hoặc đình chỉ chức vụ Chủ tịch Liên đoàn Luật sư Việt Nam và yêu cầu Liên đoàn Luật sư Việt Nam tổ chức Đại hội bất thường để bầu mới các chức danh lãnh đạo của Liên đoàn.

3. Người bị bãi nhiệm có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện ra Tòa hành chính theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo của Liên đoàn luật sư Việt Nam

1. Các chức danh lãnh đạo của Liên đoàn luật sư Việt Nam được miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

b) Xin rút khỏi chức danh lãnh đạo;

c) Vì lý do sức khỏe hoặc lý do khác mà không thể thực hiện được nhiệm vụ.

2. Việc miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo của Liên đoàn luật sư Việt Nam được thực hiện theo quy định của Điều lệ.

Điều 27. Giải thể Liên đoàn luật sư Việt Nam

1. Liên đoàn luật sư Việt Nam bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

a) Quá thời hạn sáu tháng kể từ ngày hết nhiệm kỳ mà không tổ chức Đại hội;

b) Không tổ chức lại Đại hội theo quy định tại khoản 5 Điều 22 của Nghị định này;

c) Hoạt động của Liên đoàn luật sư Việt Nam vi phạm nghiêm trọng pháp luật, Điều lệ Liên đoàn, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2.[13] Trong trường hợp Liên đoàn Luật sư Việt Nam bị giải thể theo quy định tại khoản 1 của Điều này thì Thủ tướng Chính phủ ra quyết định giải thể Liên đoàn

[13] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 10 Điều 5 của Nghị định số 05/2012/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về đăng ký giao dịch bảo đảm, trợ giúp pháp lý, luật sư, tư vấn pháp luật, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2012.

Luật sư Việt Nam và quyết định việc thành lập lại Liên đoàn Luật sư Việt Nam. Trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bộ Tư pháp, Thủ tướng Chính phủ ra quyết định giải thể Liên đoàn Luật sư Việt Nam.

Chương IV
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI TỔ CHỨC XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP CỦA LUẬT SƯ

Điều 28. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp trong việc quản lý nhà nước đối với tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư

Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước đối với tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Xây dựng, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành, hướng dẫn theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư.

2. Phê chuẩn kết quả Đại hội của Liên đoàn luật sư Việt Nam, sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ; phê duyệt Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam, sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ xem xét cho ý kiến về Đề án tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, phương án xây dựng các chức danh lãnh đạo của Liên đoàn luật sư Việt Nam nhiệm kỳ mới.

4. Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật đối với tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư; kiểm tra việc thực hiện Điều lệ của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư.

5. Xử lý vi phạm pháp luật về tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư, giải quyết khiếu nại, tố cáo về tổ chức, hoạt động của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư.

6. Quản lý nhà nước đối với hoạt động hợp tác quốc tế của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư.

7. Đình chỉ thi hành và yêu cầu sửa đổi những quy định, quyết định và nghị quyết của Liên đoàn luật sư Việt Nam trái với quy định của pháp luật về luật sư.

Điều 29. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc quản lý nhà nước đối với tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư tại địa phương, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Cho phép thành lập Đoàn luật sư, quyết định việc giải thể Đoàn luật sư sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

b) Phê chuẩn kết quả Đại hội của Đoàn luật sư; phê duyệt Điều lệ Đoàn luật sư;

c) Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư; kiểm tra việc thực hiện Điều lệ của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư tại địa phương theo thẩm quyền;

d) Xử lý vi phạm pháp luật về tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư; giải quyết khiếu nại, tố cáo về tổ chức, hoạt động của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư tại địa phương theo thẩm quyền;

đ) Quản lý nhà nước đối với hoạt động hợp tác quốc tế của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư tại địa phương theo thẩm quyền;

e) Đình chỉ thi hành và yêu cầu sửa đổi những quy định, quyết định và nghị quyết của Đoàn luật sư trái với quy định của pháp luật về luật sư.

2. Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư tại địa phương, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phép thành lập Đoàn luật sư; quyết định việc giải thể Đoàn luật sư;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Điều lệ Đoàn luật sư; chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ xem xét và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc phê duyệt kết quả Đại hội của Đoàn luật sư;

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, cho ý kiến về Đề án tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, phương án xây dựng Ban Chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng kỷ luật nhiệm kỳ mới;

d) Thực hiện kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư; kiểm tra việc thực hiện Điều lệ của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư tại địa phương; giải quyết khiếu nại, tố cáo về tổ chức, hoạt động của Đoàn luật sư theo ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[14]

Điều 30. Hiệu lực thi hành

[14] Điều 6 của Nghị định số 05/2012/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về đăng ký giao dịch bảo đảm, trợ giúp pháp lý, luật sư, tư vấn pháp luật, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2012 quy định như sau:

*"**Điều 6. Điều khoản thi hành***

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2012.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này."

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo;

Điều 12, Điều 13 Chương IV của Nghị định số 28/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Luật sư hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 31. Trách nhiệm thi hành Nghị định

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này./.

BỘ TƯ PHÁP

Số: 8018/VBHN-BTP

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2013

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Hoàng Thế Liên